

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm yêu cầu kỹ thuật (mang tính kỹ thuật thuần túy) và các yêu cầu khác liên quan đến việc cung cấp hàng hóa (trừ giá). Yêu cầu về kỹ thuật phải được nêu đầy đủ, rõ ràng và cụ thể để làm cơ sở cho nhà thầu lập E-HSDT.

Trong yêu cầu về kỹ thuật không được đưa ra các điều kiện nhằm hạn chế sự tham gia của nhà thầu hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng, đồng thời cũng không đưa ra các yêu cầu quá cao dẫn đến làm tăng giá dự thầu hoặc làm hạn chế sự tham gia của các nhà thầu, không được nêu yêu cầu về tên, ký mã hiệu, nhãn hiệu cụ thể của hàng hóa.

Hồ sơ mời thầu được nêu nhãn hiệu, catalô của một sản phẩm cụ thể để tham khảo, minh họa cho yêu cầu về kỹ thuật của hàng hóa nhưng phải ghi kèm theo cụm từ “hoặc tương đương” sau nhãn hiệu, catalô đồng thời phải quy định rõ nội hàm tương đương với hàng hóa đó về đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng, thiết kế công nghệ, tiêu chuẩn công nghệ và các nội dung khác (nếu có) để tạo thuận lợi cho nhà thầu trong quá trình chuẩn bị E-HSDT mà không được quy định tương đương về xuất xứ.

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm các nội dung cơ bản như sau:

1.1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu

Mục này nêu thông tin tóm tắt về dự án/dự toán mua sắm và gói thầu như địa điểm thực hiện dự án/dự toán mua sắm, quy mô của dự án/dự toán mua sắm, yêu cầu về cung cấp hàng hóa thuộc gói thầu, thời gian thực hiện gói thầu và những thông tin khác tùy theo tính chất và yêu cầu của gói thầu.

- a) Dự toán mua sắm: Mua sắm xe ô tô phục vụ công tác chung của Sở Nội vụ thành phố Đà Nẵng;
- b) Gói thầu: Mua sắm xe ô tô phục vụ công tác chung của Sở Nội vụ thành phố Đà Nẵng;
- c) Chủ đầu tư: Sở Nội vụ thành phố Đà Nẵng;
- d) Nguồn vốn: Nguồn ngân sách của thành phố năm 2025;
- e) Hình thức/ phương thức LCNT: Chào hàng cạnh tranh qua mạng 1 giai đoạn 1 túi hồ sơ;
- f) Giá gói thầu: 1.466.368.000 VND (đã bao gồm toàn bộ hàng hóa, chi phí thuế liên quan, vận chuyển và giao hàng và chi phí lăn bánh theo quy định. Nhà thầu chào giá theo yêu cầu sau:

- Giá mua xe đã bao gồm toàn bộ hàng hóa, chi phí thuế liên quan, vận chuyển và giao hàng (Giá tối đa nhà thầu tham gia chào thầu): 1.329.000.000 VNĐ (Bằng chữ: Một tỷ ba trăm hai mươi chín triệu đồng).

- Chi phí lăn bánh (Chi phí này thực hiện theo quy định hiện hành, nhà thầu **không** tham gia chào giá này): 137.368.000 VNĐ (Bằng chữ: Một trăm ba mươi bảy triệu ba trăm sáu tám nghìn đồng)

g) Thời gian thực hiện gói thầu: 10 ngày.

h) Địa điểm giao hàng: Sở nội vụ TP Đà Nẵng.

i) Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.

k) Giới thiệu quy mô gói thầu, chủng loại hàng hóa được duyệt:

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng	Ghi chú
1	Xe ô tô con 7 chỗ 2 cầu	Chiếc	1	

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm yêu cầu về kỹ thuật chung và yêu cầu về kỹ thuật chi tiết đối với hàng hóa thuộc phạm vi cung cấp của gói thầu, cụ thể:

a) Yêu cầu về kỹ thuật chung là các yêu cầu về chủng loại, tiêu chuẩn hàng hóa và các yêu cầu về kiểm tra, thử nghiệm, đóng gói, vận chuyển, điều kiện khí hậu tại nơi hàng hóa được sử dụng. Tùy thuộc vào sự phức tạp của hàng hóa, các yêu cầu kỹ thuật chung được nêu cho tất cả các hàng hóa hoặc cho từng loại hàng hóa riêng biệt.

a1. kê khai thông tin hàng hóa trên webform (chi tiết theo yêu cầu tại Mẫu số 10B trên webform và được trích xuất sang mẫu số 12.1A, E-HSMT).

- Nguồn gốc xuất xứ hàng hóa: Hàng hóa dự thầu phải được kê khai đầy đủ thông tin theo biểu dự thầu tại E-HSDT, có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, đảm bảo truy xuất được nguồn gốc, xuất xứ hàng hóa, không nhầm lẫn hàng hóa khác.

- Thông số kỹ thuật cơ bản/thông số chính của hàng hóa: Nhà thầu có trách nhiệm kê khai Thông số kỹ thuật cơ bản của hàng hóa đúng với Thông số kỹ thuật, của nhà sản xuất công bố (không copy Thông số kỹ thuật từ E-HSMT).

a2. Yêu cầu tiêu chuẩn kỹ thuật chung hàng hoá:

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Tiêu chuẩn kỹ thuật chung
-------------	--------------------------------	---------------------------

[ghi số hiệu hạng mục]	[ghi tên]	[ghi thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn]
1	Xe Ô tô	<ul style="list-style-type: none"> - Loại xe: Xe ô tô con 2 cầu. - Số chỗ: 7 chỗ ngồi. - Tiêu chuẩn khí thải: EURO 5 trở lên. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001. - Hệ thống truyền động: dẫn động 02 cầu bán thời gian, gài cầu điện tử - Động cơ xăng/diesel: Dung tích xi lanh từ 2.5L trở lên; công suất cực đại (hp (kw)/rpm): 164 (123kw)/5200 trở lên. - Hộp số: 6MT hoặc số tự động vô cấp kép hoặc số tự động vô cấp. - Hệ thống lái: Trợ lực lái điện. - Trang bị an toàn: Hệ thống chống bó cứng phanh (ABS), phân phối lực phanh điện tử (EBD), hệ thống cân bằng điện tử (VSC, ESP), túi khí (tối thiểu 02 túi khí).

a3. Tài liệu chứng minh chất lượng của hàng hoá: Nhà thầu chứng minh bằng 1 trong 2 cách sau:

- **Cách 1:** Cung cấp đầy đủ các tài liệu sau và có bản dịch tiếng Việt đơn vị hợp pháp đính kèm:

+ Giấy chứng nhận nhà sản xuất đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001-2015 hoặc đạt các tiêu chuẩn tương đương.

+ Bản sao giấy phép bán hàng của nhà sản xuất hoặc giấy chứng nhận quan hệ đối tác hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương (áp dụng đối với nhà thầu không phải là đơn vị trực tiếp sản xuất/lắp ráp);

+ Cam kết cung cấp bản sao Giấy chứng nhận xuất xứ nguồn gốc (C/O) và Giấy chứng nhận chất lượng hàng hóa (C/Q) của hàng hóa nếu là hàng hóa nhập khẩu hoặc Bản sao giấy kiểm tra chất lượng xuất xưởng theo mẫu do Cục Đăng kiểm Việt Nam thống nhất phát hành nếu là hàng hóa sản xuất trong nước.

- **Cách 2:** Cam kết cung cấp đầy đủ các tài liệu như Cách 1 trước khi tiến hành giao hàng.

(Trường hợp nhà thầu Cam kết theo cách 2 nhưng không cung cấp được các tài liệu chứng minh chất lượng theo yêu cầu tại Cách 1, nhà thầu sẽ bị đánh giá cam kết không trung thực và xử lý theo quy định hiện hành).

b) Yêu cầu về kỹ thuật cụ thể: *(như tính năng, thông số kỹ thuật, các bản vẽ, catalô, các thông số bảo hành..., được nêu cho từng loại hàng hóa. Khi nêu yêu cầu, các thông số kỹ thuật có thể được mô tả dưới hình thức bảng biểu. Mục đích của phần Thông số kỹ thuật là xác định các đặc tính kỹ thuật của hàng hóa và dịch vụ liên quan theo yêu cầu của gói thầu. Chủ đầu tư phải soạn thảo chi tiết phần Thông số kỹ thuật trên cơ sở xem xét);*

- Nhà thầu đính kèm E-HSDT bảng đề xuất Thông số kỹ thuật chi tiết đáp ứng thông số kỹ thuật được nêu dưới đây:

b1. Yêu cầu Thông số kỹ thuật chi tiết hàng hóa dự thầu:

Bảng chi tiết thông số kỹ thuật:

Hạng mục kỹ thuật	Thông số kỹ thuật	Yêu cầu/Ghi chú
I. Thông số kỹ thuật:		
	· Kích thước xe (mm): 4,815 x 1,900 x 1,700	Hoặc tương đương
	· Chiều dài cơ sở (mm): 2815	Hoặc tương đương
	· Động cơ SmartStream 2.5G	Hoặc tương đương
	· Công suất cực đại (hp/rpm): 177/6,000	Hoặc tương đương
	· Mômen xoắn cực đại (Nm/rpm): 232/4,000	Hoặc tương đương
	· Hộp số 6AT + chế độ lái (Comfort/Eco/Sport/Smart) + chế độ địa hình (Snow/Mud/Sand)	Hoặc tương đương
	· Hệ dẫn động: 2 cầu toàn thời gian/AWD	Hoặc dẫn động 02 cầu bán thời gian, gài cầu điện tử
II. Các tính năng An toàn – Tiện nghi:		
	· Hệ thống túi khí và đai an toàn: 6 túi khí	Có
	· Hệ thống lái: Trợ lực điện	Có
	· Hệ thống hỗ trợ phanh ABS, ESC, HAC	Có
	· Hệ thống hỗ trợ xuống dốc DBC	Có
	· Cảm biến hỗ trợ đỗ xe trước, sau và bên hông	Có
	· Camera 360	Có
	· Hiện thị điện mù trên màn hình đa thông tin BVM	Có
	· Cảnh báo áp suất lốp TPMS	Có
	· Hệ thống điều khiển hành trình thích ứng	Có
	· Cảnh báo và hỗ trợ giữ làn đường LKA	Có
	· Cảnh báo và hỗ trợ theo làn đường LFA	Có
	· Cảnh báo và hỗ trợ tránh va chạm xe phía trước FCA 2.0	Có
	· Cảnh báo và hỗ trợ tránh va chạm điểm mù BCA	Có
	· Cảnh báo và hỗ trợ tránh va chạm xe cắt ngang khi lùi RCCA	Có
	· Cảnh báo và hỗ trợ tránh va chạm phía sau khi đỗ xe PCA	Có
	· Cảnh báo và hỗ trợ mở cửa xe an toàn SEA	Có
	· Cảnh báo người lái mất tập trung DAW	Có
	· Cảnh báo người ngồi hàng ghế sau ROA	Có
	· Phanh đỗ điện tử + Autohold	Có

- Nhà thầu có thể chào hàng hóa theo đúng Thông số kỹ thuật được nêu trên hoặc chào hàng hóa có Thông số kỹ thuật khác. Trường hợp hàng hóa chào thầu có Thông số kỹ thuật (TSKT) khác với TSKT của E-HSMT thì nhà thầu phải có Bảng so sánh thông số kỹ thuật, giải thích và một bảng kê những điểm sai khác, ngoại lệ (nếu có) so với quy định tại Chương V, E-HSMT và đính kèm tài liệu chứng minh Thông số kỹ thuật hàng hóa dự thầu có sai khác là đáp ứng yêu cầu về Thông số kỹ thuật của E-HSMT.

- Đối với thông số kỹ thuật khác biệt của một loại hàng hóa nào đó trong yêu cầu về kỹ thuật của E-HSMT mà chỉ có một sản phẩm cụ thể của một hãng sản xuất cụ thể đáp ứng thì nhà thầu chỉ ra và cung cấp tài liệu chứng minh các thông tin nhà thầu cung cấp là có cơ sở để Tổ chuyên gia xem xét có áp dụng hoặc không áp dụng tiêu chí đó khi đánh giá E-HSDT theo quy định của Luật đấu thầu.

Nhà thầu phải chịu trách nhiệm tính chính xác thông tin nhà thầu cung cấp. Trường hợp nhà thầu không có tài liệu chứng minh hoặc thông tin nhà thầu cung cấp là không chính xác có thể dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì Tổ chuyên gia xem xét kiến nghị xử lý nhà thầu cung cấp thông tin không trung thực theo quy định.

b2. Tài liệu chứng minh thông số kỹ thuật:

- Nhà thầu cung cấp Catalog của nhà sản xuất hoặc bảng thông số kỹ thuật có xác nhận của nhà sản xuất (hoặc nhà phân phối chính thức) hoặc thông tin công bố rộng rãi trên phương tiện thông tin của NSX/NPP (website chính thức, đường link,...) và đính kèm bản dịch tiếng Việt của đơn vị dịch thuật hợp pháp nếu là tiếng nước ngoài.

((Trường hợp nhà thầu không có tài liệu chứng minh (kể cả sau khi làm rõ/đôi chiếu) thông tin kê khai là đúng, Tổ chuyên gia, bên mời thầu có thể xem xét đánh giá việc kê khai không trung thực của Nhà thầu theo quy định)).

1.3. Yêu cầu về chế độ bảo hành, bảo trì:

- Hàng hóa phải được bảo hành theo đúng quy định của nhà sản xuất và được tính ngay kể từ thời điểm xe được giao xe, tối thiểu 5 năm (60 tháng) hoặc tối thiểu 150.000 km (tùy thuộc điều kiện nào đến trước).

- Cơ sở bảo hành phải được uỷ quyền/cấp phép của nhà sản xuất và có Giấy chứng nhận cơ sở bảo hành, bảo dưỡng ô tô do Cục Đăng kiểm Việt Nam cấp còn hiệu lực với đầy đủ chính sách bảo hành quy định bởi Nhà sản xuất.

1.4. Cam kết của nhà thầu để thực hiện gói thầu:

- Cung cấp đầy đủ các giấy tờ hợp lệ kèm theo khi bàn giao xe, đảm bảo đầy đủ các thủ tục để đăng ký, lưu hành theo luật giao thông đường bộ Việt Nam, cụ thể:

+ *Bản gốc hóa đơn thương mại hợp lệ và các hồ sơ giấy tờ dùng đăng ký xe;*

+ *Bản sao Giấy chứng nhận xuất xứ nguồn gốc (C/O) và Giấy chứng nhận chất lượng hàng hóa (C/Q) của hàng hóa, Bản kê khai danh mục hàng hóa (Packing list) đối với hàng nhập khẩu. Bản gốc giấy kiểm tra chất lượng xuất xưởng theo mẫu do Cục Đăng kiểm Việt Nam thống nhất phát hành đối với xe sản xuất trong nước.*

+ *Các tài liệu khác liên quan theo quy định hiện hành.*

- Cam kết xe sản xuất từ năm 2025, chất lượng xe mới 100%, đạt tiêu chuẩn kỹ thuật của nước sản xuất và tiêu chuẩn Việt Nam.

Mục 2. Bản vẽ: Không có bản vẽ

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm: Các kiểm tra và thử nghiệm cần tiến hành gồm có:

- Kiểm tra pháp lý: Tài liệu chứng nhận theo quy định, chứng từ nhập khẩu (đối với hàng nhập khẩu), hoá đơn, vận chuyển,...
- Kiểm tra tổng thể bên ngoài, bên trong xe;
- Kiểm tra kỹ thuật: Các thông số vận hành;
- Trường hợp cần thiết, Chủ đầu tư có thể thuê đơn vị kiểm tra độc lập để thực hiện kiểm tra trước khi tiếp nhận hàng hóa.

=====